

Bản án số: **03/2025/HS-PT**

Ngày: 07/01/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán:

ông Đặng Kim Nhân
ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 631/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo **Hoàng Lê T** về tội “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Bi cáo có kháng cáo:*

Hoàng Lê T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1964 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố A, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; nơi ở: A T, phường M, TP P - T, tỉnh Ninh Thuận; nơi ở hiện tại: khu phố E, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12, giới tính: nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng S (chết) và bà Lê Thị T1 (chết); tiền án, tiền sự: không.

Ngày 11/10/1999, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P ra Quyết định truy nã, đến ngày 26/10/2023, bị cáo bị bắt tại khu phố E, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/01/2024 thì cho bảo lãnh; từ ngày 28/3/2024 đến nay bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại; vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1999, Hoàng Lê T xin vào làm cho Hợp tác xã N, thuộc xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên cũ (nay là phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên) do ông Huỳnh Thanh T2 làm chủ nhiệm Hợp tác xã. T được phân công làm việc trên tàu cá số hiệu PY9027BTS do ông Huỳnh Văn T3 làm thuyền trưởng. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 15/9/1999, tàu cá số hiệu PY9027BTS neo đậu tại bến thuộc thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Đến 19 giờ cùng ngày, ông T3 phân công các anh Huỳnh Thanh Đ, Nguyễn Văn P, Huỳnh Tấn H, Nguyễn Hữu T4 xuống tàu ngủ để giữ tàu. Vì muốn trộm cắp tàu của Hợp tác xã do anh T3 quản lý để bán lấy tiền tiêu xài, nên T đến bãi biển P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên gặp anh P và anh H, nói “tụi bay về nghỉ, khoảng 03 giờ sáng (16/9/1999) đem nước ra để đi biển, để tao coi tàu cho”. Anh H và anh P đồng ý nên quay lại bờ, T một mình đi ra tàu PY9027BTS nổ máy điều khiển tàu chạy ra đậu tại bến tàu ở phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định tháo lấy một số tài sản trên tàu gồm: máy định vị tầm ngư hải đồ màu 608; máy icom 77 và hộp phôi E, máy tầm trung G; máy cassette; Dynamo phát điện; bộ R tời cào; 200 mét dây điện, kiếm cắt lưỡi câu... đem vào huyện N, tỉnh Ninh Thuận bán cho một người đàn ông không biết tên lấy tiền tiêu xài, sau đó bỏ trốn tại thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Đến ngày 26/10/2023, Hoàng Lê T bị bắt tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi T bỏ trốn, ngày 16/9/1999 mọi người ra tàu để tiếp tục đi biển thì phát hiện tàu PY9027BTS bị mất.

Ngày 20/9/1999, Bộ đội Biên phòng tỉnh B phát hiện tàu PY9027BTS đang neo đậu tại vùng biển thuộc khu vực 3, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên lập biên bản thu giữ và giao tài sản cho Bộ đội Biên phòng tỉnh Phú Yên. Ngày 22/9/1999, Bộ đội Biên phòng tỉnh P đã trả lại tàu cá và các tài sản trên tàu cá cho Hợp tác xã.

Hội đồng định giá kết luận: Tàu cá số hiệu PY9027BTS của Hợp tác xã được định giá số tiền 201.905.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định: tuyên bố bị cáo Hoàng Lê T phạm tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 132 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo **Hoàng Lê T 04 (bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/01/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2024, bị cáo **Hoàng Lê T** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm cho bị cáo **Hoàng Lê T** một phần hình phạt vì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo bồi thường thêm cho bị hại số tiền 30.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 04/6/2024, bị cáo **Hoàng Lê T** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Hoàng Lê T** vắng mặt và xin hoãn phiên tòa với lý do hiện tại bị cáo đang điều trị bệnh nặng, đang uống thuốc, di chuyển khó khăn.

Việc vắng mặt của bị cáo **Hoàng Lê T** tại phiên tòa không làm trở ngại việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo **Hoàng Lê T, Hội đồng xét xử thấy rằng:**

[2.1]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, **Hoàng Lê T** hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: vào tối ngày 15/9/1999 tại **thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**, sau khi **Huỳnh Tấn H** và **Nguyễn Văn P** (là người đang được phân công trông giữ tàu cá số hiệu PY9027BTS) rời đi để **Hoàng Lê T** trông coi giúp thì **T** đã có hành vi lén lút lấy trộm tàu cá số hiệu PY9027BTS của **Hợp tác xã N**. Giá trị tài sản thiệt hại do bị cáo **T** gây ra là 201.905.000 đồng. Sau khi phạm tội **Hoàng Lê T** bỏ trốn, đến ngày 26/10/2023 thì bị bắt theo lệnh truy nã tại **thành phố P, tỉnh Bình Thuận**.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kết tội **Hoàng Lê T** “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 132 Bộ luật Hình sự năm 1985 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân mà bị cáo bất chấp thực hiện. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn nên ngày 11/10/1999, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** ra Quyết định truy nã, đến ngày 26/10/2023 bắt được bị cáo, điều này đã gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm của các cơ quan chức năng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[2.3]. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp, không nặng.

[2.4]. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo **Hoàng Lê T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, đồng thời cung cấp tài liệu thể hiện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 30.000.000đ. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo. Khoản tiền bị cáo bồi thường thêm sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Hoàng Lê T** phải chịu án phí theo quy định.

[4]. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hoàng Lê T**; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 132 của Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo **Hoàng Lê T 04 (bốn)** năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/01/2024.

3. Về án phí: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Hoàng Lê T** phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Đức Kiên